

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
TP HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DSST
Ngày: 28-02-2018
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Xuân Đăng
2. Ông Vũ Văn Thang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh trì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 419/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Chu Thị L** - SN 1979 (Có mặt)

ĐKHKT+nơi cư trú: tập thể Z, xã T, huyện T, TP Hà Nội

- *Bị đơn:* **Anh Đào Quốc H** - SN 1974 (Có mặt)

ĐKHKT+nơi cư trú: tập thể Z, xã T, huyện T, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/10/2017 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Chu Thị L trình bày:

Chị và anh Đào Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2001 tại UBND xã V, huyện V, TP H. Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng chị chuyển về sinh sống tại tập thể Z, xã T, huyện T, TP Hà Nội. Vợ chồng sống chung một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong

cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, không hòa hợp, không hạnh phúc. Trước đây vợ chồng chị đã có thời gian sống ly thân, nhưng vì con cái nên lại quay về đoàn tụ. Tuy vậy tình cảm vợ chồng không còn như trước, dần lạnh nhạt, gia đình tồn tại chỉ trên danh nghĩa, cuộc sống nặng nề không có sự quan tâm chia sẻ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2016, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: vợ chồng chị có hai con chung là cháu Đào Phương M sinh ngày 05/3/2002 và cháu Đào Minh P sinh ngày 27/5/2007. Chị xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, chị Lan không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ngày 19/12/2017 và các văn bản tiếp theo, bị đơn là anh Đào Quốc H trình bày:

Anh và chị Chu Thị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã V, huyện V, TP Hải Phòng ngày 25/4/2001. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống tại Hải Phòng một thời gian rồi chuyển về sinh sống tại tập thể Z, xã T, huyện T, TP Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có những va chạm hàng ngày nhỏ nhặt. Tuy nhiên, do chị L không thông cảm, chia sẻ được nên tình cảm vợ chồng dần xa cách. Hai vợ chồng sống ly thân một năm nay không có tiếng nói chung. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh muốn giữ gia đình cho các con có đầy đủ bố mẹ. Tuy nhiên, nếu chị L cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh H xác nhận vợ chồng anh có hai con chung là cháu Đào Phương M sinh ngày 05/3/2002 và cháu Đào Minh Ph sinh ngày 27/5/2007. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng có quan điểm nếu trong trường hợp Tòa án xét xử cho ly hôn thì anh xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung và anh Hoan không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đó trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị L với anh Đào Quốc H. Về con chung: vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Đào Phương M sinh ngày 05/3/2002 và cháu Đào Minh P sinh ngày 27/5/2007. Giao các con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không tranh chấp, không yêu cầu gì về tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Chị Chu Thị L và anh Đào Quốc H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/4/2001 tại UBND xã V, huyện V, TP Hải Phòng. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp tiến bộ. Vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hòa hợp. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2016. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ mà đề nghị Tòa án xét xử ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận. Do vậy căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị L đối với anh Đào Quốc H

[2] Về con chung: Chị L, anh H đều xác nhận vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Đào Phương M sinh ngày 05/3/2002 và cháu Đào Minh P sinh ngày 27/5/2007. Chị L và anh H đều có quan điểm xin được nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Các bên đương sự đều xuất trình các tài liệu chứng cứ về thu nhập, chỗ ở để khẳng định cho việc đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng của anh chị đều chính

đáng, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi được chăm sóc tốt nhất và cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu được ổn định; hai cháu là nữ, đang trong tuổi trưởng thành nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ; do vậy căn cứ vào các Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Đào Phương M sinh ngày 05/3/2002 và cháu Đào Minh P sinh ngày 27/5/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị L và anh H không tranh chấp và khụng yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Các Điều 51, 54, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014
- Điều 26 - Luật Thi hành án
- Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị L được ly hôn anh Đào Quốc H.
2. Về con chung: xác nhận chị L và anh H có hai con chung là cháu Đào Phương M sinh ngày 05/3/2002 và cháu Đào Minh P sinh ngày 27/5/2007. Giao hai con chung cho chị L trực

tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị L và anh H không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai số AA/2012/08571 ngày 31/10/2017 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Thành viên Hội đồng xét xử:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

